

Việc Học Thời Đệ Nhất Cộng Hòa

Lê Nguyễn

Thế hệ những người sinh vào thập niên 1940 tại miền Nam nay còn không ít, cũng không nhiều. Số người không còn phần vì tuổi tác, bệnh tật, phần vì đã trải qua nhiều thăng trầm dâu bể của những năm trước và sau 30-4-1975: chiến trận, tù đày, những cuộc vượt biển kinh hoàng..., số người còn trụ lại kể thì sống tha hương trên xứ người, người ở lại Việt Nam thì phần đông cũng lang thang bên lề cuộc sống, tuổi tác chất chồng, sống bằng ký ức hơn là những dự phóng tương lai.

Trong tay không còn bao nhiêu tư liệu chính thức về một thời kỳ giáo dục đã trải qua năm, sáu mươi năm, chỉ còn một mớ ký ức sót lại trong đầu, hy vọng rằng những bạn đọc là chứng nhân của thời kỳ này sẵn lòng bỏ khuyết, đính chính cho những sai sót của một bộ nhớ đã trải qua nhiều thử thách của thời gian và thời cuộc. Bởi vậy mà mấy bài viết này có tên là "Ký ức vụn", không mang ý nghĩa một biên khảo, mà chỉ nhằm giúp người đọc có chút ý niệm tổng quát về một nền học đã mai một từ hơn nửa thế kỷ đã qua.



Học viện Quốc gia Hành chính được xây mới năm 1962.

CHUYỆN HỌC

Sơ lược việc học trước thời Đệ Nhất Cộng Hòa

Những năm trước năm 1954, không thấy có chương trình giáo dục mầm non dành cho lứa tuổi dưới 6.

Thường một đứa bé đến 6 tuổi, thậm chí 7-8 tuổi hay hơn nữa, mới được cha mẹ cho đi học lớp đầu đời là lớp năm, bậc tiểu học. Trước thời Đệ nhất Cộng hòa, hệ thống giáo dục tại Việt Nam cũng có ba bậc học chính là Tiểu học, Trung học và Đại học, song ở hai bậc học đầu,

mỗi bậc lại chia thành hai cấp. Ở bậc Tiểu học, lớp khởi đầu là lớp Năm hay lớp Đồng ấu (Cours Enfantin), kế đến là lớp Tư hay lớp Dự bị (Cours Préparatoire), lớp Ba hay lớp Sơ đẳng (Cours Élémentaire). Cả ba lớp này thuộc cấp Sơ học, học xong, học sinh thi lấy bằng Sơ học Yếu lược (Primaire Élémentaire).



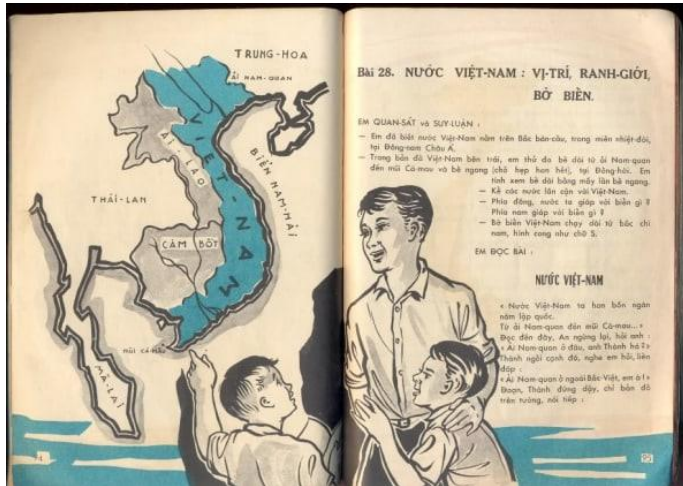
Sau cấp Sơ học là cấp Tiểu học gồm ba lớp: lớp Nhì một năm (Cours Moyen de 1ère Année), lớp Nhì hai năm (Cours Moyen de 2è Année), và lớp Nhất (Cours Supérieur). Xong lớp Nhất, học sinh thi lấy bằng Tiểu học (Certificat D'Etude Primaire Complémentaire Indochinois, viết tắt là C.E.P.C.I), ai thi đỗ mới được học lên bậc Trung học. Thời đó, có bằng CEPCI đã đủ tự hào với làng trên xóm dưới rồi, "trâm" tiếng Tây với Tây đủ để trẻ em trong làng khiếp sợ. Thời kỳ trước Đệ nhất Cộng hòa, học sinh đỗ Tiểu học xong không vào ngay

lớp Đệ nhất niên mà còn phải trải qua một lớp trung gian là lớp Tiếp liên (Cours Certifié), hết năm này mới vào lớp Đệ nhất niên của bậc Trung học. Thời Pháp thuộc, bậc học này cũng chia làm hai cấp: Cao đẳng Tiểu học và Trung học. Bốn năm Cao đẳng Tiểu học gồm các lớp: Đệ nhất niên, Đệ nhị niên, Đệ tam niên và Đệ tứ niên. Học xong bậc này, học sinh thi lấy bằng Thành Chung (Diplôme d'Étude Primaire Supérieur Franco-Indigène), người Việt bình dân lúc bấy giờ vẫn quen gọi là "bằng Đít-lôm".

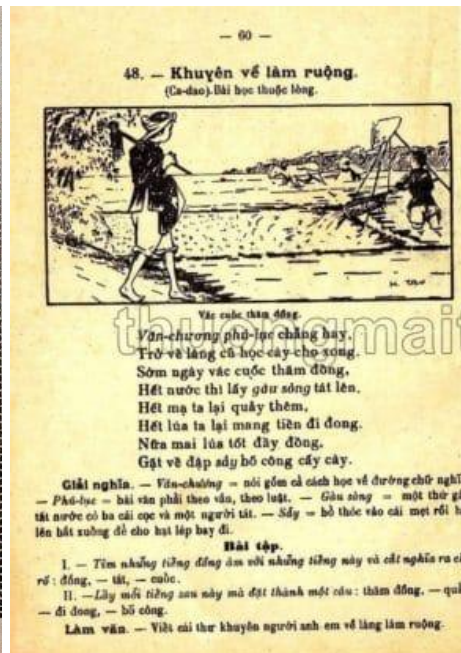
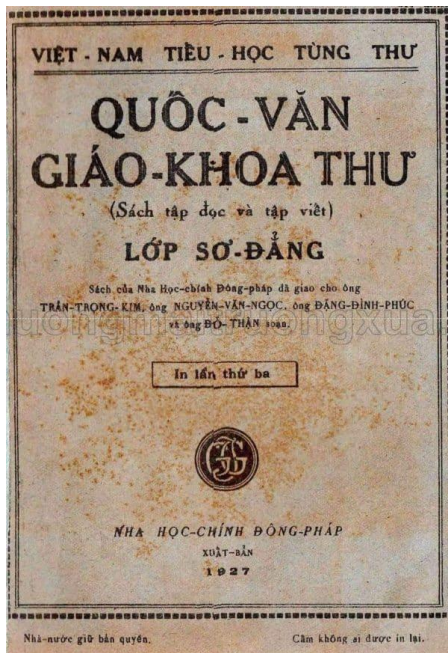
Giáo án, sách giáo khoa và đội ngũ giảng dạy thời Đệ nhất Cộng hòa

Chương trình giáo dục trung và tiểu học thời Đệ nhất Cộng hòa do Bộ Giáo dục soạn thảo chung cho tất cả các trường trên toàn quốc. Chương trình này có tính ổn định lâu dài và chỉ có những thay đổi nhỏ trong quá trình thực hiện. Thời đó, không có hai từ "giáo án" và cũng thực sự không có việc giáo viên soạn thảo bài dạy theo một tiêu chuẩn nào, trình cho một giới chức nào. Người dạy học thời đó dựa vào chương trình chính thức do Bộ Giáo dục soạn thảo và dạy học sinh theo cách thức riêng của mỗi người, miễn sao trong kết quả cuối

năm, nhiều học sinh đạt điểm cao nhất trong môn họ đã dạy. Nếu có soạn thảo “giáo án” chẳng thì đó chỉ là những ghi chép riêng tư, sắp xếp ý tưởng giảng dạy để tự nhắc mình cho bài giảng có hiệu quả.



Ở bậc Tiểu học, sách giáo khoa các lớp Đòng ấu, Dự bị và Sơ đẳng (lớp Năm, lớp Tư và lớp Ba) được Nha Học chính Đông Pháp soạn thảo thống nhất cho cả nước từ các thập niên 1920-1930 và được áp dụng tại miền Nam cho đến nửa sau thập niên 1950. Bộ sách có tên chung là “Việt Nam Tiểu Học Từng Thư”, gồm nhiều đề mục khác nhau, sử dụng cho ba lớp sơ học: Đòng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, gồm nhiều chuyên mục khác nhau: Quốc văn Giáo khoa thư; Luân lý Giáo khoa thư; Sử ký – Địa dư Giáo khoa thư; Cách trí Giáo khoa thư; Vệ sinh Giáo khoa thư; Toán pháp Giáo khoa thư... Ban soạn thảo các sách giáo khoa này gồm 4 vị có tên tuổi và uy tín trong học giới: Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận.

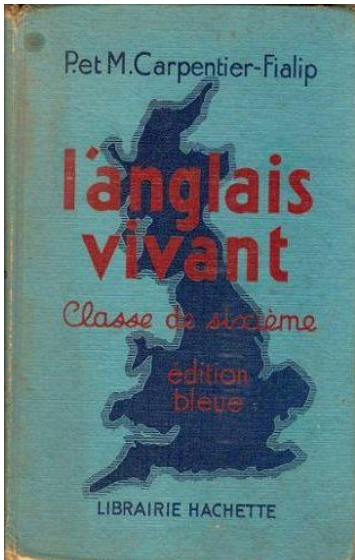


Sách Quốc văn Giáo khoa thư lớp Sơ đẳng, bản in năm 1927 (Nguồn: thuongmaitruongxua.vn)
Hai trang sách trong quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ đẳng in năm 1927.

Tuy bộ sách có nhiều chuyên mục khác nhau, song được nhắc đến nhiều nhất là bộ Quốc văn Giáo khoa thư, ấn tượng đầu đời sâu đậm nhất của những người đi học vào thời kỳ chuyển tiếp giữa nền học cũ với nền học thời Đệ nhất Cộng hòa. Dù ở lớp nào, các bài học cũng đều mang ý nghĩa nhân văn, đi dần từ những bài dễ đọc, dễ hiểu ở lớp Đòng ấu và Dự bị đến những bài ở lớp Sơ đẳng, đòi hỏi học sinh tập suy luận trước những vấn đề được đặt ra, từ những bài ở sách Quốc văn Giáo khoa thư lớp Dự bị như Khuyến hiếu đễ; Người ta cần phải làm việc; Làng tôi; Nên giúp đỡ lẫn nhau; Lễ phép với người tàn tật... đến những bài dành cho lớp Sơ đẳng như Ai ơi chớ vội khoe mình; Lòng kính yêu chị; Chớ nên ham mê cờ bạc; Không nên báo thù; Không nên khinh những nghề lao lực...

Bên cạnh sách giáo khoa thường được các trường Tiểu học sử dụng, còn có loại sách “Tập Đọc Vui” được soạn thảo và phát hành song song với sách giáo khoa, gồm những bài đọc vui, bổ ích về mặt hình thành nhân cách cho trẻ thuộc các lãnh vực: học đường, gia đình, thân thể, việc học và chơi... Trong tinh thần “Tiên học lễ, Hậu học văn” áp dụng xuyên suốt trên cả nước, nền giáo dục Tiểu học Đệ nhất Cộng hòa kế thừa nền giáo dục Hoàng Xuân Hãn năm 1945 và nguồn sách giáo khoa của Việt Nam Tiểu Học Từng Thư do bộ tứ Kim-Ngọc-Phúc-Thận soạn, coi trọng việc Đức dục ngang với Trí dục và Thể dục. Ấn tượng mạnh về bộ sách

Quốc Văn Giáo Khoa Thư khiến những thế hệ ra đời từ thập niên 1950 trở về trước luôn nhắc nhở đến chúng như một hoài niệm về thời thơ ấu, với những bài học đáng nhớ là kim chỉ nam cho họ trong cách xử sự ở đời. Vào thập niên 1960 trở về sau, dù không còn là sách giáo khoa cho học trò nữa, song Quốc Văn Giáo Khoa Thư vẫn len lỏi vào góc ngách tâm hồn của nhiều thế hệ, vào cả trong tác phẩm Hương Rừng Cà Mau của nhà văn Sơn Nam, với truyện ngắn Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư nhắc đến những bài học không thể nào quên. Khoảng thập niên 1990, nhà xuất bản trẻ TPHCM có sáng kiến in lại mấy tập sách giáo khoa này, theo yêu cầu của những độc giả có tuổi muốn tìm lại những hình ảnh của một thời học hành tuổi nhỏ. Nhiệt tình đó đáng ca ngợi, song đáng tiếc là sách in lại bằng giấy trắng láng, hình ảnh thiếu sự đậm đà, sắc nét khiến tác phẩm được phục hồi mất đi khá nhiều giá trị của sự hồi tưởng, hoài niệm một thời đã qua.



Sách học Anh ngữ *L'anglais vivant* dành cho học sinh lớp Đệ Thất thập niên 1950.

Nửa sau thời Đệ nhất Cộng hòa, khoảng năm 1958, Bộ Quốc gia Giáo dục định ra các triết lý giáo dục gồm ba yếu tố cơ bản là: Nhân bản, Dân tộc và Khai phóng, sách giáo khoa cho bậc Tiểu học được soạn mới, song vẫn giữ cốt cách của Quốc văn Giáo khoa thư và Luân lý Giáo khoa thư.

Ở bậc Trung học, thời Đệ nhất Cộng hòa, Nha Tổng Giám đốc Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục là cơ quan cao nhất thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục chịu trách nhiệm về việc dạy và học tại miền Nam. Cơ quan này bao gồm một số đơn vị trực thuộc gồm: Nha Trung học, Nha Tiểu học, Nha Tư thực, Nha Khảo thí và cơ quan Thanh tra. Tại cấp tỉnh, trong lúc các Ty Tiểu học trực thuộc chính quyền địa phương theo hệ thống ngang (thuộc Nha Tiểu học theo hệ thống dọc), thì các trường Trung học chỉ thống thuộc duy nhất Nha Trung học theo hệ thống dọc mà thôi. Ở bậc học này, Bộ Quốc gia Giáo dục có một quan điểm khá thoáng về mặt sách giáo khoa. Hầu như không có một bộ sách giáo khoa nào do cơ quan giáo dục chính thống biên soạn và phát hành để thầy và trò dạy và học theo.

Thời đó, dù là giáo sư tư thực hay công lập, mọi giáo chức có quyền dạy học sinh theo cách thức riêng của mình, không phải tuân theo một phương pháp giảng dạy nào, miễn sao tôn trọng đúng nội dung chương trình giáo dục do Bộ Quốc gia Giáo dục soạn thảo, giúp học sinh đạt được kết quả như ý trong các kỳ thi. Trên thị trường, nhiều sách giáo khoa (hay sách tham khảo) được bày bán, do các giáo sư tư thực lẫn công lập biên soạn. Mỗi tác giả có cách biên soạn của riêng mình, sách nào hay hoặc phù hợp với chương trình dạy và học sẽ được nhiều giáo chức tham khảo trong giảng dạy, học sinh tìm mua để đọc thêm.

Những năm cuối thập niên 1950, đầu thập niên 1960, về quốc văn, loại sách “Luận đề văn chương” của các giáo sư tư thực Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Duy Diễn, Nguyễn Văn Mùi... tràn ngập thị trường, được giới dạy văn và học sinh tham khảo nồng nhiệt. Mỗi sách luận đề khảo về văn chương của một tác giả cổ điển như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến..., sách khổ nhỏ, không dày, viết cô đọng, được cả thầy và trò ưa chuộng. Bản thân người viết bài này được làm học trò môn văn năm Đệ tứ (1958 – 1959) với giáo sư Nguyễn Duy Diễn, người đã mang lại cho cậu thiếu niên 14-15 tuổi một tình yêu nồng nàn đối với môn văn học nước nhà. Tiếc rằng thầy mất quá sớm, khoảng giữa thập niên 1960, khi tuổi đời còn trẻ.



Sách “Luận đề văn chương” thời Đệ nhất Cộng hòa.

Với môn Văn, ngoài loại sách luận đề văn chương, còn có các sách quốc văn dành tham khảo của giáo sư Dương Quảng Hàm (1898 – 1946) (Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển), của các giáo sư Hà Như Chi, Phạm Thế Ngũ, Phan Ngô ... Về lịch sử – địa lý có sách của ông bà giáo sư Tăng Xuân An, giáo sư Nguyễn Văn Mùi...; sách toán của các giáo sư Đinh Qui – Bùi Tấn – Lê Nguyên Diệm, Bùi Hữu Đột... sách ngoại ngữ, nhất là Anh ngữ, có loạt sách *L'anglais vivant* của nhà xuất bản Ziên Hồng được nhượng quyền khai thác từ nhà Hachette của Pháp... Thông thường, các nhà biên

soạn sách giáo khoa đã được thị trường chấp nhận và tác phẩm của họ được sử dụng rộng rãi trong việc

giảng dạy của các thầy cô và thỏa mãn nhu cầu tham khảo của các em học sinh trung học. Sự chọn lọc, đào thải của thị trường sách giáo khoa giúp các giáo chức, học sinh tìm được những sách đúng đắn, có chất lượng để dạy và học.

Ở bậc Đại học, với chủ trương một nền đại học tự trị, chính quyền Đệ nhất Cộng Hòa dành cho các viện Đại học Sài Gòn và Huế một quyền hạn rộng rãi trong việc sắp xếp chương trình giảng dạy, bố trí một đội ngũ giáo sư đại học phù hợp. Thông thường sách giáo khoa ở bậc học này do chính giáo sư các bộ môn soạn thảo và giảng dạy, không thông qua những tác giả trung gian khác.

Ở trường Đại học Luật khoa, có thể tham khảo, học tập sách của các giáo sư Vũ Văn Mẫu, Thạc sĩ Luật, từng đảm nhận chức vụ Ngoại trưởng trong chính phủ Ngô Đình Diệm; Vũ Quốc Thúc, Thạc sĩ Kinh tế, Khoa trưởng trường Đại học Luật khoa; Nguyễn Độ, Tiến sĩ Hành chánh công (1952); Vũ Quốc Thông (Thạc sĩ Luật, từng làm Bộ trưởng Y tế, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh trước 1.11.1963); Nguyễn Văn Bông (Thạc sĩ Công pháp Quốc tế, sau ngày 1.11.1963 được cử làm Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh)...; ở Đại học Văn khoa có sách của các giáo sư Nguyễn Đăng Thục, dạy chủ yếu môn Triết học Đông phương, Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Văn Trung, Bùi Xuân Bào... Ở các phân khoa Khoa học, Y khoa, Dược khoa... bài giảng và sách học được soạn chủ yếu dựa vào các tài liệu khoa học phổ biến ngoài nước. Cần nói thêm là hầu hết các giáo sư đại học tại miền Nam thời Đệ nhất Cộng hòa xuất thân từ các trường đại học Pháp, và theo chế độ giáo dục của nước này, bằng Thạc sĩ là bằng cấp cao nhất, trên bằng Tiến sĩ một bậc.

Hầu hết sách giáo khoa các bậc học Tiểu học, Trung học và Đại học thời Đệ nhất Cộng hòa đều theo khuynh hướng phi chính trị hóa, chú trọng chủ yếu đến việc rèn luyện con người trên các mặt Đức, Trí và Thể dục. Người viết sách giáo khoa cung ứng cho thị trường không bị một áp lực nào hay phải tuân theo một sự chỉ đạo nào. Đối tượng chủ yếu mà họ nhắm đến là các giáo chức cần tài liệu để hoàn thiện sự giảng dạy, đội ngũ học sinh, sinh viên cần tham khảo thêm ngoài các bài giảng ở trường.

Giáo chức thời Đệ Nhất Cộng Hòa

I. Đôi nét về ngạch trật và chế độ lương bổng của công chức thời Đệ nhất Cộng hòa

Trước khi đề cập đến thành phần giáo chức thời Đệ nhất Cộng hòa, xin trình bày sơ lược về chế độ ngạch trật và lương bổng dành cho các thành phần công chức nói chung.

A – Vấn đề ngạch trật

Vào những năm 1954-1963 (và cho đến hết thời Đệ nhị Cộng hòa) tại miền Nam, chế độ lương bổng dành cho các tầng lớp công chức khá ổn định và hài hòa ở hầu hết các ngành nghề, các lãnh vực khác nhau. Công chức thời ấy có hai thành phần chính: chính ngạch và ngoại ngạch.

Công chức chính ngạch: Thường là những người được đào tạo ở các trường chính quy và được chia làm ba hạng chính:

- Hạng A – Dành cho những người tốt nghiệp Đại học trở lên
- Hạng B – Dành cho những người có trình độ Trung học và chưa tốt nghiệp Đại học
- Hạng C – Dành cho những người có trình độ Tiểu học.

Công chức ngoại ngạch: Thường được tuyển dụng thông qua các hợp đồng lao động và gồm các hạng:

- Hạng A – Thường làm việc dưới dạng kế ước (giáo sư đại học, bác sĩ, luật sư...)
- Hạng B gồm:
 - B1: Dành cho những người có bằng Tú tài 1, Tú tài 2 trở lên nhưng chưa tốt nghiệp đại học
 - B2: Dành cho những người có bằng Trung học Đệ nhất cấp đến Tú Tài I
 - B3: Dành cho những người có trình độ Trung học, nhưng chưa có bằng Trung học Đệ nhất cấp
- Hạng C – Dành cho những người có bằng Tiểu học hoặc trình độ Tiểu học
- Hạng D – Dành cho những người làm công việc tay chân, trình độ học vấn thấp.

Ở hạng chính ngạch, các thành phần công chức hạng A gồm: bác sĩ, kiến trúc sư, luật sư, thẩm phán tòa án, giáo sư đại học, giáo sư Trung học Đệ nhất cấp, Đốc sự Hành chánh (tốt nghiệp Học viện Quốc Gia Hành Chánh), Kỹ sư (các ngành Công chánh, Kiến thiết, Điện, Nông Lâm Súc...)... Ở thành phần ngoại ngạch hạng A, thường không có chế độ công nhật, chỉ có chế độ khế ước, ký kết giữa người lao động và cơ quan sử dụng (trường Đại học, bệnh viện công...)

Ở hạng B, thành phần chính ngạch được phân biệt theo các hạng B1, B2 và B3 của nhân viên ngoại ngạch

- Tương đương hạng B1 gồm các ngạch Cán sự Y tế, Cán sự Điều dưỡng, Cán sự Công chánh và Kiến thiết, Giáo sư Trung học Đệ nhất cấp, Giáo học bổ túc, Kiểm sự Nông chính, Tham sự Hành chánh...
- Tương đương hạng B2 gồm các ngạch Y tá, giáo viên Tiểu học, Thư ký Hành chánh, Huấn sự Nông chính
- Tương đương hạng B3 gồm Thư ký Đánh máy, Tá sự Nông chính

Ở hạng C, gồm chủ yếu ngạch Tùy phái, Tổng thư văn..

Ở hạng D gồm các lao công, không có chính ngạch, thường lao động dưới dạng “phù động đồng hóa công nhật”, được hưởng lương công nhật.

Ở mỗi hạng công chức, cần phân biệt rõ hai yếu tố “ngạch” và “trật”. Ngạch là tên gọi chung, ví dụ: Kỹ sư, Đốc sự Hành chánh, Cán sự Y tế ...; Trật là những bậc khác nhau, được sắp xếp từ thấp đến cao trong khuôn khổ một ngạch, ví dụ “kỹ sư hạng ba, kỹ sư hạng nhì, kỹ sư hạng nhất ...” là các trật của ngạch Kỹ sư.



Trường Đại học Sư phạm thuộc Viện Đại học Huế.

B – Vấn đề lương bổng

Thời Đệ nhất Cộng hòa (và cho đến hết thời Đệ nhị Cộng hòa), chỉ số lương là yếu tố cơ bản trong lương bổng của người công chức. Chỉ số lương này nhân với chỉ số đất đỏ của từng thời kỳ thành lương căn bản. Trong 9 năm đầu (1954-1963), chỉ số lương hầu như không thay đổi ở hầu hết các ngành nghề, nếu có thay đổi, cũng chỉ là những điều chỉnh tối thiểu.. Mỗi ngạch trật có một thang chỉ số lương từ trật thấp nhất đến trật

cao nhất mà người công chức thời ấy thường gọi là “plafond” (tột trần).

- Công chức hạng A – Chỉ số lương từ thấp nhất 430 đến cao nhất là 1.160
- Công chức hạng B
 - Tương đương hạng B1: Chỉ số lương từ 320 đến tối đa 740 – 79
 - Tương đương hạng B2: Chỉ số lương từ 250
 - Tương đương hạng B3: Chỉ số lương từ 220
- Công chức hạng C – Chỉ số lương từ 160.

Các loại phụ cấp ngoài lương:

Bên cạnh lương căn bản, người công chức thời Đệ nhất Cộng hòa được hưởng nhiều khoản phụ cấp khác nhau, có thể kể:

- Phụ cấp gia đình – Vào khoảng 800đ/tháng cho vợ và 600đ/tháng cho mỗi đứa con dưới 18 tuổi.
- Phụ cấp chức vụ – Dành cho những người giữ chức vụ chỉ huy tại công sở, ở cấp quận là Quận trưởng, Phó Quận trưởng, ở cấp Tỉnh từ Chủ sự phòng trở lên, ở Trung ương từ cấp Trưởng ban trở lên.

Một ví dụ cụ thể:

- Phụ cấp chức vụ Phó Quận trưởng, Trưởng ty cấp tỉnh: 900đ/tháng
- Phụ cấp chức vụ Chủ sự phòng cấp Tỉnh: 600đ/tháng
- Phụ cấp chức vụ Trưởng ty cấp Trung ương (Phủ, Bộ, Tổng Nha, Nha): 1.000đ/tháng

- Phụ cấp chức vụ Chủ sự cấp Trung ương: 800đ/tháng
- Phụ cấp chức vụ Trưởng ban cấp Trung ương: 500đ/tháng
- Phụ cấp nhà ở và điện nước – Dành cho Tỉnh trưởng, Phó Tỉnh trưởng cấp địa phương, từ cấp Chánh Sự vụ Sở trở lên ở cấp Trung ương.
- Phụ cấp gia nhân – Dành cho cấp Giám đốc Nha có nhiều Sở trở lên ở trung ương.
- Phụ cấp giao tế phí và kinh lý phí – Dành cho Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng tại địa phương. Các đương sự chỉ được chi xài cho các khoản giao tế và đi kinh lý trong phạm vi phụ cấp được qui định
- Phụ cấp nước độc – Dành cho những người làm việc tại các địa phương có khí hậu khắc nghiệt, dễ ngã bệnh, nhiều nhất là bệnh sốt rét. Ngoài ra những người này còn được cộng thêm 50% thâm niên công vụ dùng để tính mỗi kỳ thăng trật.

II- Giáo chức thời Đệ nhất Cộng hòa

Những chi tiết ở phần I áp dụng chung cho mọi thành phần công chức, trong đó có các giáo chức làm việc trong guồng máy giáo dục. Thời Đệ nhất Cộng hòa, giáo chức chính ngạch gồm các thành phần chính sau:

- Giáo viên Tiểu học – Có bằng Trung học Đệ nhất cấp trở lên, được đào tạo một năm tại trường Quốc Gia Sư Phạm, chỉ số lương ban đầu 250..
- Giáo học bổ túc – Có bằng Trung học Đệ nhất cấp trở lên, được đào tạo ba năm tại trường Quốc Gia Sư Phạm, chỉ số lương ban đầu 320 (sau thời Đệ nhất Cộng hòa tăng lên 350) (Đến năm 1962, điều kiện văn bằng tối thiểu để được đào tạo tại trường Quốc Gia Sư Phạm là Tú Tài I.)

Trường Sư phạm Sài Gòn, tiền thân là Trường Quốc gia Sư phạm.



· Giáo sư Trung học Đệ nhất cấp – là những người có bằng Tú tài II (Tú tài toàn phần), được đào tạo cấp tốc, nhằm giải quyết phần nào tình trạng khan hiếm giáo chức vào những năm cuối thập niên 1950, so sự gia tăng đột biến số học sinh xuất phát từ cuộc di cư của gần một triệu đồng bào miền Bắc vào Nam. Chỉ số lương khởi điểm của thành phần giáo chức này là 400.

· Giáo sư Trung học Đệ nhị cấp – là những người có bằng Tú Tài II được đào tạo trong 3 năm, sau lên 4 năm, chỉ số lương từ 430 (sau từ 470)

· Giáo sư Đại học – Là những giáo sư có bằng tiến sĩ và thạc sĩ (trên tiến sĩ), không qua đào tạo trong nước. Thời Đệ nhất Cộng hòa, hầu hết các giáo sư này học tại nước ngoài, chủ yếu là ở Pháp. Chỉ số lương của ngạch giáo sư thực thụ từ 640-690 trở lên. Do không được đào tạo trong nước, mặt khác theo qui chế tự trị của bậc đại học, việc tham gia giảng dạy của thành phần này được thực hiện dưới dạng khế ước ký kết với các viện đại học. Dưới cấp giáo sư đại học là các giảng sư, thường là những người có bằng tiến sĩ, chưa có bằng thạc sĩ.. Bên cạnh hai thành phần giảng dạy đại học chính thức trên, còn có thành phần giảng viên đại học, là những người không chính thức làm việc cho trường hay phân khoa đại học mà chỉ giảng dạy theo hợp đồng và có thời hạn nhất định.



Giáo sư Vũ Văn Mậu, Thạc sĩ Luật, Ngoại trưởng thời Đệ nhất Cộng hòa.

Đối với các giáo sư Trung học Đệ nhất cấp, Đệ nhị cấp, Giáo học bổ túc và giáo viên Tiểu học, trong phần lớn thời kỳ đầu của Đệ nhất Cộng hòa, cả miền Nam có ba trường đào tạo chính:

. Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn trực thuộc Viện Đại học Sài Gòn (thành lập năm 1957, trước đó là trường Cao đẳng Sư phạm, chủ yếu đào tạo giáo sư Trung học Đệ nhất cấp)

. Trường Đại học Sư phạm Huế trực thuộc Viện Đại học Huế

. Trường Quốc gia Sư phạm Sài Gòn, sau là Trường Sư phạm Sài Gòn

Hai trường trên đào tạo giáo sư trung học, nhiều nhất là trung học đệ nhị cấp, dạy đến lớp Đệ nhất (nay là lớp 12). Trường thứ ba đào tạo giáo học bổ túc và giáo viên Tiểu học, đáp ứng nhu cầu giáo dục tiểu học của toàn miền Nam, từ vĩ tuyến 17 trở xuống.

Với thành phần giáo chức tư thực, qui định thời đó dành cho bậc Tiểu học là phải có ít nhất bằng Tiểu học, dạy bậc Trung học Đệ nhất cấp phải có tối thiểu bằng Trung học Đệ nhất cấp, dạy bậc Trung học Đệ nhị cấp phải có bằng Tú Tài II trở lên. Ở bậc Trung học Đệ nhất cấp, những người có bằng Trung học Đệ nhất cấp thường được phân công dạy các lớp thấp như Đệ thất, Đệ lục (lớp 6, lớp 7), các lớp Đệ ngũ, Đệ tứ (lớp 8, lớp 9) dành cho người có bằng Tú tài. Người viết bài này từng chứng kiến hiện tượng có trường tư thực vì thiếu giáo sư, đã tuyển người có khả năng giảng dạy nhưng không có điều kiện về bằng cấp qui định, đến cuối niên khóa, khi làm sổ Học bạ cho học sinh, phải thay tên người dạy thực sự bằng tên người khác có đủ điều kiện về văn bằng. Ở bậc Trung học Đệ nhị cấp, ngoài các giáo chức chuyên nghiệp có tiếng, các trường tư thực còn sử dụng sinh viên đang học mấy năm cuối cùng bậc Đại học, nhất là sinh viên Đại học Sư phạm và Đại học Khoa học.

Những năm 1954-1963, số giáo sư Trung học Đệ nhị cấp rất thiếu, mặt khác, số trường trung học công lập dạy đến hết lớp Đệ nhất không phải tỉnh nào cũng có, vì thế số sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm được đưa về các tỉnh lớn để điền khuyết nhân số còn thiếu, ở tỉnh Gia Định có trường Hồ Ngọc Cẩn, tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) có trường Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ) có trường Phan Thanh Giản, tỉnh Khánh Hòa (Nha Trang) có trường Võ Tánh, tỉnh Bình Định (Quy Nhơn) có trường Cường Để ... một số học sinh Đệ nhị cấp ở các tỉnh nhỏ phải đi qua tỉnh lớn để học. Giáo viên Tiểu học tốt nghiệp trường Quốc gia Sư phạm được phân bổ xuống tới các trường Tiểu học cấp Quận. Sang nửa sau thập niên 1960, các trường Tiểu học cấp xã được bổ sung một thành phần giáo chức đặc biệt là "giáo viên áp tân sinh", gánh nặng giáo dục trên vai các giáo viên Tiểu học công lập mới nhẹ bớt.



Luật sư, giáo sư Vương Văn Bắc, từng là Ngoại trưởng VNCH.

Thời Đệ nhất Cộng hòa, các giáo sư đại học là một thành phần xã hội ở trên cao, cách biệt rất lớn với hàng ngũ giáo chức trung, tiểu học và sinh viên đại học. Thời đó, số cư dân có xe gắn máy không nhiều, vậy mà hầu hết các giáo sư đại học đều đi dạy bằng ô tô. Điều đó không khó hiểu, vì khi còn là sinh viên du học nước ngoài, phần lớn họ đã sinh trưởng trong các gia đình thượng lưu, họa hoằn lắm mới có người ngoi lên từ giai cấp trung hay hạ lưu. Trong khuôn khổ ngành Đại học theo chế độ tự trị, các giáo sư đại học lúc bấy giờ toàn tâm toàn ý cho công cuộc giáo dục, đào tạo thế hệ trí thức tương lai, mà không hề chịu một sức ép nào, về kinh tế cũng như về chính trị.

Trong suốt thời VNCH, nhiều giáo sư đại học được mời tham gia chính phủ trong cương vị Tổng, Bộ trưởng, thời Đệ nhất Cộng hòa có: Vũ Quốc Thông (Bộ trưởng Y tế) Vũ Văn Mẫu (Bộ trưởng Ngoại giao), Nguyễn Quang Trinh (Bộ trưởng Giáo dục)...; thời Đệ nhị Cộng hòa có: Nguyễn Văn Thương (Chủ Đặc ủy Hành chánh, tương đương Bộ trưởng Nội vụ), Trần Văn Kiện (Ủy viên Tài chánh, tương đương Bộ trưởng Tài chánh), Nguyễn Duy Xuân (Bộ trưởng Kinh Tế), Vương Văn Bắc (Bộ trưởng Ngoại giao)...

Riêng luật sư, giáo sư Vương Văn Bắc, với cương vị Ngoại trưởng những năm cuối của nền Đệ nhị Cộng hòa miền Nam, ông rất thành công qua việc thiết lập bang giao với nhiều nước châu Phi và là người khởi đầu việc đàm phán khai thác dầu khí với các nước sản xuất dầu hỏa ở Trung Đông. Ông là tiêu biểu của giới trí thức trẻ đầy năng lực của miền Nam, tri thức rộng, dạy học hay, làm chính trị nhiều sáng kiến và thành công. Riêng người viết bài này luôn say mê những giờ Chính trị học của ông tại giảng đường Học viện Quốc gia Hành chánh những năm 1962-1963, một kỷ niệm khó quên của thời đi học.

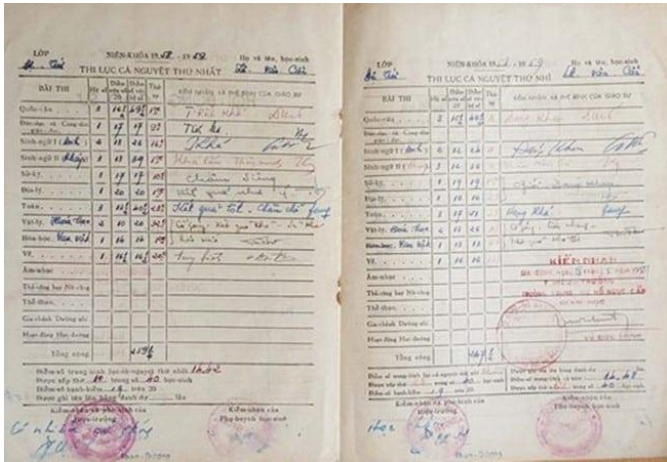
Thi cử thời Đệ nhất Cộng hòa

1. Trước kỳ thi

Đơn vị chính trong các kỳ thi trên toàn miền Nam trước 1975 là cấp Tỉnh. Trường trung học công lập chính thức của tỉnh là nơi trực tiếp thực hiện những thủ tục cần thiết dưới sự sắp xếp của Nha Khảo thí và các cơ quan liên hệ của Bộ Giáo dục như Nha Trung học, Nha Tiểu học, đoàn Thanh tra.

Mấy tháng trước ngày thi, các trường tư thực trong tỉnh phải nộp học bạ của tất cả thí sinh thuộc trường mình cho trường Trung học công lập tỉnh kiểm nhận, và chỉ khi nào học bạ được kiểm nhận hợp lệ, học sinh liên hệ mới được cấp số báo danh để dự kỳ thi sắp tới.

Cũng mấy tháng trước kỳ thi, các giáo sư công lập đang dạy chính môn nào thì được Nha khảo thí yêu cầu đề xuất một số đề thi thuộc môn đó (thường từ 3 đến 5 đề thi). Những đề thi này chỉ có tính tham khảo, nếu có được chọn đi nữa thì xác suất được chọn cũng rất nhỏ, so với số đề thi đề xuất trên cả nước.



Một trang học bạ của học sinh lớp Đệ Tứ (lớp 9) trường tư được trường công lập của tỉnh kiểm nhận mấy tháng trước kỳ thi. Đó là điều kiện bắt buộc của học sinh trường tư để được cấp số báo danh cho kỳ thi sắp mở.

2. Trước ngày thi

Việc chọn đề thi do một tiểu ban của Bộ Giáo dục gồm phần lớn là các Thanh tra trung học đảm trách. Khoảng một tuần lễ trước ngày thi, bộ phận này bị cấm trại 24/24 tại trụ sở cho đến ngày thi xong. Không một ai, kể cả Bộ trưởng Giáo dục được phép tiếp xúc với những người này.

Họ có những nhiệm vụ quan trọng sau:

– Thảo luận kỹ, chọn ra những đề thi cho từng môn thi, căn cứ vào đề xuất của các giáo sư từng bộ môn đã tập trung về Bộ cách đó mấy tháng.

– Quyết định xong toàn bộ các đề thi, họ đánh máy trên giấy stencil (giấy sếp) và tự tay quay roneo các đề thi đã chọn xong. Vì trong ngày thi, đề thi được phát tận tay mỗi thí sinh, nên số đề được quay roneo vô cùng to lớn, nhiều hơn tổng số thí sinh cho kỳ thi đó. Sau khi công việc khó nhọc này hoàn tất, họ dựa vào số thí sinh do các tỉnh báo cáo, cho toàn bộ đề thi vào những thùng kín có hai ống khóa, được niêm phong cẩn thận, chờ đại diện hội đồng thi các tỉnh lên nhận về.

– Trước khi kỳ thi diễn ra, mỗi tỉnh có một Hội đồng thi tập trung tại trường trung học công lập của tỉnh, gồm phần lớn các giáo chức trong tỉnh. Một ngày trước ngày thi, Hội đồng cử người về Bộ để đưa đề thi về tỉnh, tùy mỗi địa phương mà đi bằng đường bộ hay đường hàng không. Nếu đi đường bộ, họ được xe cảnh sát hộ tống chặt chẽ. Trong suốt những năm trước 1975, chưa hề nghe có một scandal vào về việc tiết lộ đề thi, đủ biết sự bảo mật được thực hiện chặt chẽ như thế nào.

Khi về đến tỉnh, thùng đựng đề thi được đưa ngay đến trụ sở Tòa hành chánh tỉnh. Viên chức giữ chức vụ Phó Tỉnh trưởng sẽ thay mặt ông Tỉnh trưởng sở tại, chủ trì một tiểu ban tiếp nhận và bảo quản đề thi. Họ niêm phong và ký tên trên tất cả giấy niêm phong, cho hết vào một tủ sắt trong phòng Phó Tỉnh trưởng, niêm phong tủ sắt với chữ ký của các thành viên trong tiểu ban (đại diện trường trung học công lập tỉnh, đại diện Ty cảnh sát, tòa án, Hội đồng tỉnh...).

Sáng ngày thi, chỉ một khoảng thời gian ngắn đủ để mang đề thi đến mỗi trường thi, người của hội đồng thi và đại diện mỗi trường thi đến Tòa hành chánh tỉnh, phá niêm phong, nhận đề thi về các trường thi. Khi họ về đến nơi thì chỉ còn một thời gian tối thiểu để các giám thị phát đề thi đến tận tay thí sinh.

– Thường là một ngày trước ngày thi, các trường thi có thông lệ viết bằng phấn số báo danh của thí sinh trên từng bàn học trong phòng thi. Điều này không quan trọng đối với thí sinh Tú Tài, song rất cần thiết đối với thí

sinh Trung học Đệ nhất cấp (cấp 2), nhất là thí sinh Tiểu học, giúp họ đến trường thi trước ngày thi, xem và biết trước sẽ ngồi ở phòng nào trong ngày thi. Trước khi có cách làm này, nhiều em gần đến giờ thi, chạy cuống quýt, không biết tìm phòng thi ở đâu, nếu tìm được phòng trễ quá, theo nội qui trường thi, sẽ không được vào phòng thi nữa. Tác giả bài viết này từng là một cậu học sinh như thế trong kỳ thi Tiểu học năm 1954.

3.. Trong ngày thi

Trong phòng thi, thường ban tổ chức bố trí một bàn hai thí sinh ngồi ở hai đầu bàn, mỗi phòng có hai giám thị là giáo viên (tiểu học) hay giáo sư (trung học), thường là một nam, một nữ.

Đến giờ thi, thí sinh được phát riêng cho mỗi người:

- Đề thi in trên giấy in roneo dày, màu vàng, chữ rất rõ ràng.
- Giấy làm bài thi khổ to, có rọc phách giữa phần khai báo của thí sinh và bài làm.
- Giấy làm nháp thường có ba màu: xanh lục, vàng nhạt, hường. Thí sinh ngồi chung một bàn được phát giấy nháp khác màu nhau.

Khoảng 5 đến 10 phút trước khi hết giờ làm bài, các giám thị thông báo cho thí sinh biết để xem lại bài. An ninh phòng thi rất chặt chẽ, những người không có nhiệm vụ trong trường thi không được phép đến gần trường thi.

4... Sau ngày thi

* Việc học và thi tại miền Nam những năm 1954-1963 (và sau đó) dựa trên những ý niệm căn bản sau:

– Chỉ có ưu tiên trong học tập, hoàn toàn không có ưu tiên trong thi cử. Thành phần học sinh được ưu tiên trong học tập là con của quân nhân, công chức “hi sinh vì nhiệm vụ” (tử trận, tử nạn trong lúc thi hành nhiệm vụ, chết vì bệnh do công vụ gây nên...) hoặc của những thường dân hi sinh mạng sống để cứu người... Họ được thu nhận vào trường Quốc gia Nghĩa tử, được tạo những điều kiện học tập tốt nhất, bù đắp với sự bất lợi do thiếu cha hay thiếu mẹ so với các học sinh bình thường khác. Họ được miễn học phí, được cấp học bổng và nhiều phương tiện khác trong học tập. Với những điều kiện ưu đãi đó, họ phải cố gắng học tập như mọi người và trong kỳ thi, không được hưởng bất cứ sự ưu đãi nào.

– Tuy nhiên, có một trường hợp duy nhất được cộng điểm.. Để khuyến khích học sinh rèn luyện thể lực, khoảng 2-3 tháng trước kỳ thi, Ty thể dục thể thao tỉnh tổ chức kỳ thi thể dục cho toàn thể học sinh trong tỉnh. Kỳ thi gồm nhiều môn phối hợp: chạy xa, nhảy xa, nhảy cao, ném tạ..., ai được từ 11/20 điểm trở lên thì được cộng số điểm sau khi trừ 10 vào tổng số điểm thi đã nhân với hệ số. Ví dụ một học sinh đạt điểm thi thể dục 13/20, cậu ta được cộng thêm 3 điểm vào tổng số điểm thi. Việc cộng thêm điểm này không đáng kể lắm nếu ta biết rằng tổng số điểm trung bình cần để đậu trong kỳ thi thường vượt quá con số 100, sau khi đã nhân với hệ số từ 2 đến 4, tùy theo môn thi.

– Những năm 1954-1963, tại miền Nam, bài thi được cho điểm trên cơ sở tối đa 20 điểm. Tùy theo tính cách quan trọng nhiều hay ít của các môn học và thi, mỗi môn được nhân với một hệ số khác nhau, ví dụ ở kỳ thi Tú Tài II (Tú Tài toàn phần) ban C, môn Triết học hệ số 3; Pháp văn sinh ngữ 1 hệ số 3; Anh văn sinh ngữ 2 hệ số 2; Sử Địa hệ số 2.. Như vậy tổng số điểm tối đa các môn thi là 200, số điểm trung bình tối thiểu để đậu kỳ thi viết là 100/200.

– Mỗi kỳ thi Trung học Đệ I cấp, Tú Tài I và Tú Tài II đều có một kỳ thi viết và một kỳ vấn đáp. Thí sinh nào đạt điểm trung bình từ 10/20 trở lên được chấm đậu trong kỳ thi viết. Việc công bố kết quả thi viết diễn ra tại một trường học có sân rộng, loa được bắc nhiều nơi, một người trong ban tổ chức kỳ thi đọc trên loa tên và số báo danh của những người đậu kỳ thi viết, theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, cũng là thứ tự mẫu tự của tên. Những thí sinh đậu trong kỳ thi viết mới được tham dự kỳ thi vấn đáp mở ra sau đó vài ngày.

Những người không đủ 10/20 điểm để đậu trong kỳ thi viết được chia làm hai hạng:

. Ai có từ 8 đến dưới 10/20 điểm trung bình được thi kỳ 2 mở cách kỳ 1 khoảng 2 tháng. Công việc nấu sủi sôi kinh diễn ra ngay sau đó, trong kỳ nghỉ hè.

. Ai dưới 8/20 điểm trung bình không được dự thi kỳ 2, đợi sang năm sau thi tiếp

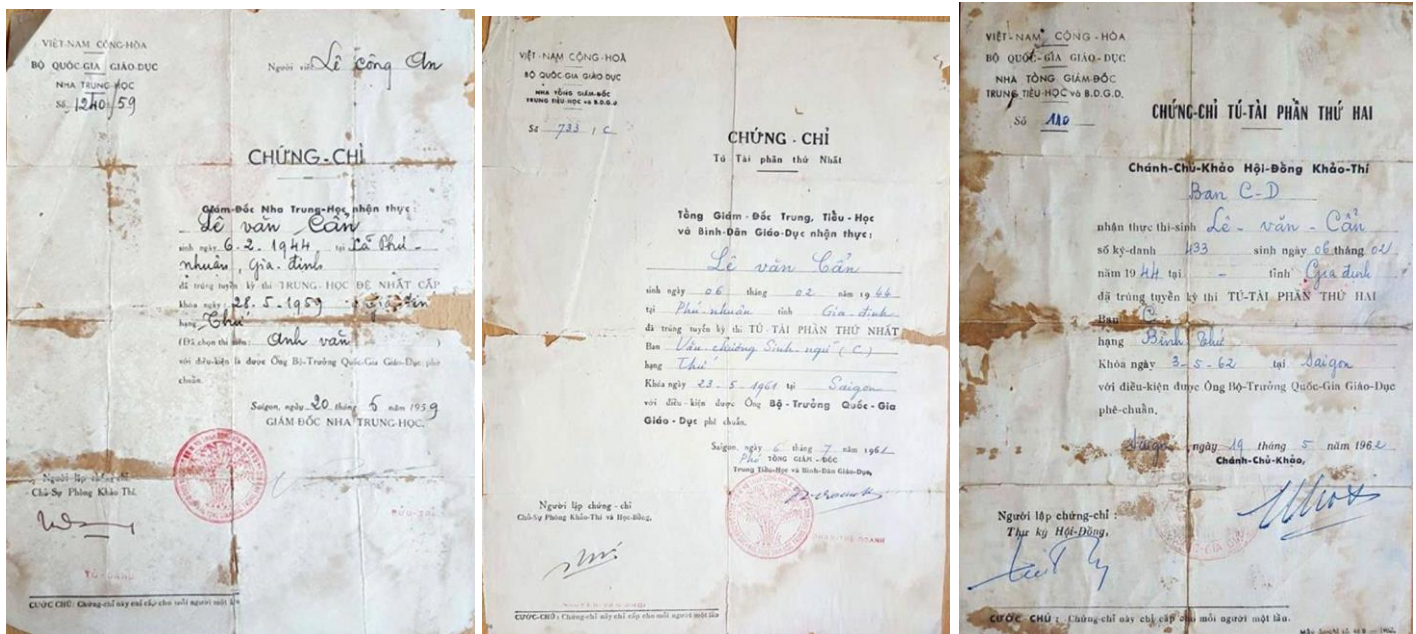
– Tùy theo số điểm trung bình trong kỳ thi, tính cả thi viết lẫn thi vấn đáp, người ta chia số người đậu theo các hạng sau:

- . Hạng Thứ (passable): Từ 10 đến dưới 12/20 điểm
- . Hạng Bình Thứ (Assez bien): Từ 12 đến dưới 14/20 điểm
- . Hạng Bình (Bien): Từ 14 đến dưới 16/20 điểm
- . Hạng Ưu (Très bien): Từ 16 đến dưới 18/20 điểm
- . Hạng Tối ưu (Excellent): Từ 18 đến 20/20 điểm.

Trong kỳ thi Tú Tài, thường chỉ có hai ban A (chủ yếu các môn Lý Hóa-Vạn vật) và B (chủ yếu các môn Toán-Lý Hóa) là có thí sinh đậu hạng Bình hay Ưu, vì các bài Toán, Lý Hóa, Vạn vật chấm điểm theo đúng, sai, ai làm bài đúng hoàn toàn để kiếm được 16-18 điểm.. Riêng ban C với các môn chính: Triết học, Pháp (dissertation morale: luận đề luân lý), Anh (dịch), Sử Địa, kiếm được từ 10 đến 12/20 điểm trung bình đã rất vất vả nên hầu như chưa thấy ai học ban C mà đậu hạng Bình trở lên.

– Hàng năm, những kỳ thi tuyển vào các trường đào tạo công chức và có học bổng như Đại học Sư phạm, Quốc gia Hành chánh, Kỹ thuật Phú Thọ đều được mở ra giữa hai kỳ 1 và 2 của kỳ thi Tú Tài II, ai thi rớt kỳ 1, chờ thi kỳ 2, sẽ không có cơ hội tham gia các kỳ thi tuyển vào Đại học năm đó.

– Tỷ lệ thi đậu hàng năm của 3 kỳ thi trung học dao động từ 25% đến 45%, thấp nhất thường là ở kỳ thi Tú Tài I, chỉ khoảng 30%-35%, cao nhất là kỳ thi Tú Tài II, từ 35% đến 45%. Điều này dễ hiểu: trình độ học sinh lớp Đệ Nhị (để thi Tú Tài I) không đồng đều bằng học sinh lớp Đệ Nhất (để thi Tú Tài II) vừa đậu xong Tú Tài I năm trước.



- Một chứng chỉ thi đậu Trung học Đệ nhất cấp cấp năm 1959.
- Một chứng chỉ thi đậu Tú Tài I cấp năm 1961. Người ký là Phó Tổng Giám Đốc Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục Phan Thế Roanh, con trai danh sĩ Phan Mạnh Danh, tác giả tập Bút Hoa.
- Một chứng chỉ thi đậu Tú Tài II cấp năm 1962

Mặt khác, số thí sinh trường tư thường đậu thấp hơn thí sinh trường công, chiếm khoảng 70% -90% số thí sinh thi đậu của trường công. Lý do: Trình độ học sinh trường tư rất không đồng đều, phải chờ nhau, nên không tiến nhanh được. Cần nhớ là trong kỳ thi Tú Tài I, 100% thí sinh trường công đều có bằng Trung học Đệ nhất cấp, trong khi thí sinh trường tư thi Tú Tài I không cần có bằng Trung học Đệ nhất cấp. Chỉ riêng sự khác biệt này đủ làm nên sự chênh lệch về tỷ lệ thi đậu ở mỗi loại trường.

– Trong kỳ thi Tú Tài (và cả Trung học Đệ nhất cấp), có một thành phần “thí sinh tự do” là những người không có điều kiện học thường xuyên tại trường học.. Họ là những quân nhân, công chức hoặc người thi rớt nhiều năm liền. Quân nhân, công chức thường ghi danh học các lớp ban đêm và ban mà họ chọn nhiều nhất là ban C.. Họ được miễn điều kiện học bạ, nhưng vẫn phải thi như bất cứ thành phần nào khác, không có chuyện “chuyên tu” hay “tại chức” như sau 1975.

– Sau khi có kết quả thi cả viết lẫn vấn đáp, những thí sinh đã đậu chính thức được cấp sớm một chứng chỉ bằng một tờ giấy A4, có khi chỉ bằng nửa tờ A4. Họ sao y tờ chứng chỉ này dùng cho mọi việc cần thiết: thi tuyển, ghi danh vào đại học, xin việc làm... Phải mấy năm sau họ mới được cấp văn bằng chính thức, khổ to, viết chữ đẹp, giấy cứng, thường chỉ có tác dụng lộng kính treo trong nhà, mọi việc đều nhờ vào tờ chứng chỉ.

– Hàng năm, nhiều nước cấp học bổng cho học sinh, sinh viên Việt Nam, thường là học bổng toàn phần, gồm học phí, chi phí ăn, ở trong suốt mấy năm học. Bộ Giáo dục đăng thông báo trên các báo vài tháng trước khi có kỳ thi tuyển chọn, ai muốn đi du học nộp đơn và hồ sơ dự tuyển. Đến lúc này, thứ hạng trong kỳ thi Tú Tài mới phát huy tác dụng, thường những người đậu từ hạng Bình trở lên được du học miễn thi, có năm phải từ hạng Ưu. Những người đậu hạng Bình Thứ hay Thứ phải dự kỳ thi tuyển, thường là về môn ngoại ngữ (Anh hay Pháp) liên quan đến nước cấp học bổng. Nhiều nhân tài miền Nam nên danh từ những học bổng toàn phần này.

– Sau Đệ nhất Cộng hòa (1963), các kỳ thi vấn đáp được bỏ dần, đến giữa thập niên 1960, bắt đầu thử nghiệm việc thi trắc nghiệm, được gọi vui là “A,B,C khoanh”. Đến đầu thập niên 1970, việc thi được đẩy mạnh về mặt khoa học kỹ thuật, tiến dần đến cách chấm thi bằng kỹ thuật xuyên phiếu với sự hướng dẫn và giúp đỡ của các chuyên viên thuộc hãng IBM. Lúc đó, một ngạch công chức mới ra đời, đó là ngạch xuyên phiếu viên.

Lê Nguyễn